TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HSST
Ngày 15-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Thanh Hoàng;
2. Ông Nguyễn Quốc Khanh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Trương Bảo Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 39/2019/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Trần Thị Bé L, sinh năm 1995, nơi sinh tại huyện T, tỉnh A; nơi cư trú: kh3, phường C, thành phố C, tỉnh A; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh, con ông: không rõ và bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1979, chết; có chồng Trần Văn Ch, sinh năm 1990; Có 05 người con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2019; Bị cáo là con một;

Tiền án:

+ Ngày 03/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh A xử 09 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

+ Ngày 22/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh A xử 09 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" và 01 năm 6 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt 02 bản án: là 03 năm tù, bị cáo chưa chấp hành hình phạt.

Tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bị hại*: Ông Trần Đăng Kh (tên gọi khác Cua), sinh năm 1992, nơi cư trú: khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh A, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1983, nơi cư trú: khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1969, nơi cư trú: khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh A, có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952, nơi cư trú: khóm H, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

2. Bà Phan Thị Kim C, sinh năm 1974, nơi cư trú: khóm S, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 25 tháng 5 năm 2019, do quen biết qua mạng xã hội Zalo, Trần Đăng Kh điều khiển xe môtô biển số 67E1–341.00 đến khu vực phường C, thành phố C chở Trần Thị Bé L đi chơi và thuê nhà nghỉ. Đến 7 giờ sáng ngày 26 tháng 5 năm 2019, L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe môtô của Kh, nên rủ Kh đi đến huyện T chơi. Khi đến khu vực khóm H, thị trấn N, huyện T thì Kh và L vào ăn sáng tại quán của bà Phan Thị Kim C. Lúc này, L nói với Kh mượn xe môtô biển số 67E1–341.00 đi chợ Nh mua đồ, được Kh đồng ý. Sau khi điều khiển xe L chạy đến khu vực thị trấn T nhờ Trần Văn Q cầm dùm xe, nên Q dẫn đi cầm gần khu vực Casino (Campuchia) với giá 9.000.000 đồng, L cho Q 300.000 đồng, rồi kêu Q chở về thành phố C và trả tiền công 100.000 đồng. Không thấy L trả xe, nên Kh đến Công an huyện T trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ: Xe môtô biển số 67E1–341.00, số máy JF66E1080620, số khung 5810GY988390 và ba tờ tiền polymer, mỗi tờ mệnh giá 100.000 đồng, đã giao trả cho bị hại theo biên nhận ngày 31/5/2019 và 12/6/2019.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 563/KL.HĐĐGTTHS ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện T, kết luận xe môtô biển số 67E1–341.00, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu đỏ - đen, được định giá là 29.260.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKSTB-HS ngày 03 tháng 9 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trần Thị Bé L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt Bộ luật hình sự).

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trần Thị Bé L đều khai nhận hành vi như đã nêu.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Trần Thị Bé L đã khai nhận do không có tiền tiêu xài, nên khoảng 07 giờ ngày 26 tháng 5 năm 2019 nảy sinh ý định chiếm đoạt xe môtô biển số 67E1–341.00 của Kh như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại Trần Đăng Kh có lời khai phù hợp trong quá trình điều tra, khẳng định tình tiết của vụ án đúng như lời bị cáo khai nhận. Đồng thời phù hợp với lời khai của những người làm chứng Nguyễn Thị L, Phan Thị Kim C được triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt.

- Kiểm sát viên, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và trình bày lời luận tội: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà Viện Kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ. Khi lượng hình cũng xem xét đến nhân thân của bị cáo: Là phụ nữ có thai khi phạm tội; Thành khẩn khai báo. Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Trần Thị Bé L theo điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có 02 tiền án, chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Bé L từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về biện pháp tư pháp: Bị hại đã nhận lại tài sản, tuy nhiên về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền 9.300.000 đồng cho bị hại.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập không ổn định, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an huyện T, Điều tra viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng và hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về tội danh:*

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Thị Bé L khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại

phiên tòa hôm nay cũng phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai nhận tại Cơ quan điều tra. Đồng thời còn phù hợp với vật chứng vụ án là chiếc xe môtô biển số 67E1–341.00, số máy JF66E1080620, số khung 5810GY988390 đã được thu hồi giao trả lại cho bị hại (theo biên bản ngày 12/6/2019 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh A).

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 03/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh A xử 09 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Ngày 22/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh A xử 09 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" và 01 năm 6 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt 02 bản án: là 03 năm tù, bị cáo chưa chấp hành hình phạt. Đến nay chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên được xem là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp "Tái phạm" được quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bằng thủ đoạn gian dối, lợi dụng sự tin tưởng của bị hại thực hiện hành vi cố ý nhằm chiếm đoạt tài sản, mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân; đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 29.260.000 đồng. Ngoài hành vi phạm tội này, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Ch và Tòa án nhân dân thành phố C xét xử 04 lần thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", là thuộc trường hợp "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" cố ý phạm tội từ 05 lần trở lên thuộc tình tiết định khung tăng nặng theo quy định khoản 2 điều 52 Bộ luật hình sự.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Thị Bé L có đầy đủ dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo*:

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: là phụ nữ có thai khi thực hiện tội phạm, thành khẩn khai báo, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm n, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các tình tiết tăng nặng: Theo như Cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng "Tái phạm" của bị cáo theo điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, thấy rằng cần áp dụng tình tiết "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, mới phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, cũng như nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần có mức án nghiêm khắc, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình, cũng để răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] *Biện pháp tư pháp:*

- *Về xử lý vật chứng*: Đã giao trả cho bị hại. (Theo biên nhận ngày 31/5/2019 và 12/6/2019).

- *Về bồi thường dân sự*: Bị hại đã nhận lại tài sản, yêu cầu bị cáo trả lại tiền chuộc xe là 9.300.000 đồng, yêu cầu này phù với các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, theo biên nhận ngày 31/5/2019 bị hại đã nhận 300.000 đồng thu hồi từ số tiền của bị cáo cầm xe, do đó bị cáo phải trả lại cho bị hại 9.000.000 đồng là phù hợp.

[5] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 174; Điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1, khoản 2 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 38; Điều 50; Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Trần Thị Bé L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt:

- Bị cáo Trần Thị Bé L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án này và bản án 82/2018/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C (đã tổng hợp hình phạt bản án số 20/2018/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ch chịu hình phạt chung là 03 năm tù), bị cáo Trần Thị Bé L phải chịu hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt thi hành án.

3. Về vật chứng: Đã giao trả cho bị hại. (Theo biên nhận ngày 31/5/2019 và 12/6/2019).

4. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Thị Bé L phải bồi thường cho bị hại Trần Đăng Kh số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Trần Thị Bé L phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng *(bốn trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo và bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 LuậtThi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h. Tịnh Biên;
- CQCSĐT CA h. Tịnh Biên.;
- Chi cục THADS h.Tịnh Biên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS; THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Mỹ